

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC NĂM HỌC 2020 – 2021

(Ban hành theo quyết định số 96 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Đức)

MÔN TOÁN 8

Cả năm : 35 tuần = 140 tiết

Học kì I: 18 tuần = 72 tiết

Học kì II: 17 tuần = 68 tiết

I. Phân chia theo học kỳ và tuần học:

Cả năm 140 tiết	Đại số 70 tiết	Hình học 70 tiết
Học kỳ 1 18 tuần 72 tiết	40 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần cuối x 3 tiết = 12 tiết	32 tiết 14 tuần đầu x 2 tiết = 28 tiết 4 tuần cuối x 1 tiết = 4 tiết
Học kỳ 2 17 tuần 68 tiết	30 tiết 13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết 4 tuần cuối x 1 tiết = 4 tiết	38 tiết 13 tuần đầu x 2 tiết = 26 tiết 4 tuần cuối x 3 tiết = 12 tiết

II. Học kì I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

PHẦN ĐẠI SỐ 8 (40 tiết)

ST T	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Hướng dẫn thực hiện
Chương I: Phép nhân và phép chia các đa thức						
1	1	§1. Nhân đơn thức với đa thức	KT+KN: - HS phát biểu được các qui tắc về nhân đơn thức với đa thức theo công thức: $A(B \pm C) = AB \pm AC$ (trong đó A, B, C là các đơn thức).	Bảng phụ ?3 và bài tập luyện tập, bút dạ.	Trách nhiệm	

			- Hiểu được cơ sở của quy tắc dựa trên tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
2	2	§2. Nhân đa thức với đa thức	KT+KN: - Học sinh hiểu qui tắc nhân đa thức với đa thức. $(A + B)(C + D) = AC + AD + BC + BD$ - Biết trình bày phép nhân theo các cách khác nhau (nhân hàng ngang, nhân theo cột dọc với đa thức một biến) Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ, phần màu	Giản dị	
3	3	Luyện tập	KT+KN: - HS củng cố và khắc sâu kiến thức cơ bản về quy tắc nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ, phần màu, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
4	4	§3. Những hằng đẳng thức đáng nhớ	KT+KN: - HS hiểu các hằng đẳng thức đáng nhớ: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương. Áp dụng được các hằng đẳng thức đáng nhớ đã học vào giải bài tập. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ, phần màu, thước	Khoan dung	
5	5	Luyện tập	KT+KN:	Bảng phụ,	Đoàn kết - Hợp tác	

			- HS củng cố kiến thức về các hằng đẳng thức đáng nhớ: Bình phương của một tổng, bình phương của một hiệu, hiệu hai bình phương. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	phấn màu, thước		
6	6	§4. Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp)	<u>KT+KN:</u> - Học sinh nắm được các hằng đẳng thức đáng nhớ: Lập phương của một tổng, lập phương của một hiệu. - Áp dụng được các hằng đẳng thức đáng nhớ đã học vào giải bài tập. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ?3, phấn màu, thước	Khoan dung	
7	7	§5. Những hằng đẳng thức đáng nhớ (tiếp)	<u>KT+KN:</u> - HS nắm được các hằng đẳng thức đáng nhớ: Tổng hai lập phương, hiệu hai lập phương. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, phấn màu, thước	Khoan dung	
8	8	Luyện tập	<u>KT+KN:</u> - Củng cố kiến thức về 7 hằng đẳng thức đáng nhớ. HS biết vận dụng khá thành thạo các hằng đẳng thức đáng nhớ vào giải bài tập toán. - Học sinh biết sử dụng hằng đẳng thức $(A \pm B)^2$ để xét giá trị của một số tam thức bậc hai. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	phấn màu, bảng phụ nội dung bài tập, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
9	9	§6. PTĐTTNT	1. Kiến thức:	Phấn màu, bút	Trách nhiệm	

		bằng PP đặt nhân tử chung	- Hiểu thế nào là phân tích đa thức thành nhân tử - Biết các bước tìm nhân tử chung, đặt nhân tử chung - Biết quan sát, phân tích, đánh giá để vận dụng phương pháp đặt nhân tử chung một cách thích hợp. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	dạ, BT		
10	10	§7. PTĐTTNT bằng PP dùng hằng đẳng thức	KT+KN: - HS hiểu được các PTĐTTNT bằng p^2 dùng HĐT thông qua các ví dụ cụ thể. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	PHT, thước	Hạnh phúc	
11	11	§8. PTĐTTNT bằng PP nhóm các hạng tử	KT+KN - HS biết nhóm các hạng tử thích hợp để phân tích đa thức thành nhân tử, biết đặt nhân tử chung hoặc dùng HĐT trong mỗi nhóm. năng lực: Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	PHT, thước	Đoàn kết - Hợp tác	Ví dụ 2: Thay thế ví dụ khác về sử dụng phương pháp nhóm làm xuất hiện hằng đẳng thức
12	12	§9. PTĐTTNT bằng cách phối hợp nhiều phương pháp	KT+KN: - Học sinh vận dụng được các phương pháp đã học để phân tích đa thức thành nhân tử. Năng lực - Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	PHT, thước	Trách nhiệm Trung thực	
13	13	Luyện tập – KT 15 phút	KT+KN: - HS biết vận dụng các PP như: đặt nhân tử chung, nhóm các hạng tử, dùng HĐT để phân tích đa thức thành nhân tử. HS biết thêm p^2: " Tách hạng tử"	Bảng phụ, bút dạ, phấn màu, máy chiếu	Trách nhiệm	

			cộng, trừ thêm cùng một số hoặc cùng 1 hạng tử vào biểu thức. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
		Kiểm tra 45 phút	KT+KN: Học sinh vận dụng thành thạo kiến thức về nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức, các hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử vào các dạng bài rút gọn, tính giá trị biểu thức, nhận dạng hằng đẳng thức, tìm x, phân tích đa thức thành nhân tử... Năng lực: Tự học, tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, mô hình hóa toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Đề, đáp án, biểu điểm	Trung thực	
14	14	Chủ đề: Chia đa thức cho đơn thức §10. Chia đơn thức cho đơn thức	KT+KN: Nhận biết được khi nào thì đơn thức A chia hết cho đơn thức B. Phát biểu được quy tắc chia đơn thức cho đơn thức. Thực hiện được phép chia đơn thức cho đơn thức. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	MTBT	Đoàn kết - Hợp tác	Cả hai bài §10 và §11 Ghép và cấu trúc thành 01 bài “Chia đa thức cho đơn thức” 1. Phép chia đa thức 2. Chia đơn thức cho đơn thức 3. Chia đa thức cho đơn thức
15	15	Chủ đề: Chia đa thức cho đơn thức §11. Chia đa thức cho đơn thức	KT+KN: Nhận biết được khi nào thì đa thức A chia hết cho đơn thức B. Phát biểu được quy tắc chia đa thức cho đơn thức. Thực hiện được phép chia đa thức cho đơn thức. Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	thước kẻ, bảng phụ ?1, ?2	Tự do	
16	16	Chủ đề 1: Chia đa thức §12. Chia đa thức	KT+KN: Hiểu thế nào là phép chia hết. Thực hiện được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp (trong trường hợp chia hết). Hiểu thế nào là phép chia có	Bảng phụ, thước	Đoàn kết - Hợp tác	

		một biến đã sắp xếp	dur. Thực hiện được phép chia đa thức một biến đã sắp xếp (trong trường hợp chia có dư). <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
17	17	Chủ đề 1: Chia đa thức Luyện tập – Tổng kết chủ đề (tiết 4)	KT+KN: củng cố kiến thức về chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức, chia đa thức một biến đã sắp xếp. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	thước kẻ, bảng phụ ?	Trách nhiệm	
18	18	Ôn tập giữa kì I	KT+KN: HS biết hệ thống các kiến thức cơ bản trong chương: Nhân, chia đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử. HS biết tổng hợp các kiến thức trên vào rút gọn biểu thức, tính giá trị của biểu thức, tìm x, phân tích đa thức thành nhân tử, chia đa thức cho đa thức và giải quyết một số vấn đề toán học. <u>Năng lực</u> Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Máy chiếu, thước kẻ		
19	19,20	Kiểm tra giữa kì I	<u>KT+KN:</u> Kiểm tra việc lĩnh hội các kiến thức nhân đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ và bài toán phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp đặt nhân tử chung và dùng hằng đẳng thức. <u>Năng lực</u> - Năng lực giải quyết vấn đề. Năng lực tính toán Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
Chương II: Phân thức đại số						
21	21	§1. Phân thức đại số	KT+KN: Phát biểu được các định nghĩa: Phân thức đại số, hai phân thức bằng nhau. Viết được các phân	Thước, bảng phụ	Khoan dung	

			thức bằng nhau. Vận dụng được định nghĩa hai phân thức bằng nhau để tìm đa thức chưa biết trong đẳng thức. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
22	22	§2. Tính chất cơ bản của phân thức	KT+KN: Hiểu được những tính chất cơ bản của phân thức. Hiểu được quy tắc đổi dấu được suy ra từ TC cơ bản của phân thức, vận dụng linh hoạt tính chất, quy tắc đổi dấu để biến đổi phân thức theo yêu cầu. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Tự do	
23	23	§3. Rút gọn phân thức	KT+KN: Hiểu thế nào là rút gọn một phân thức. Vận dụng được các TCCB của phân thức để rút gọn phân thức và những BT có liên quan. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Giản dị	
24	24	Luyện tập	KT+KN: Rút gọn được phân thức, nhận biết được những trường hợp cần đổi dấu và biết các đổi dấu để xuất hiện nhân tử chung của tử và mẫu. Vận dụng rút gọn phân thức để giải các dạng toán có liên quan. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Đoàn kết - Hợp tác	

25	25	§4. Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức	KT+KN: Hiểu quy tắc quy đồng mẫu các phân thức. Tìm được mẫu thức chung của các phân thức, biết cách quy đồng mẫu nhiều phân thức (quy tắc ba bước). Vận dụng thành thạo quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân thức vào giải bài tập. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Trách nhiệm	Bài tập 17: Không yêu cầu
26	26	Luyện tập	KT+KN: Biết quy đồng mẫu các phân thức. Vận dụng thành thạo quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân thức vào giải bài tập. Vận dụng quy đồng mẫu các phân thức để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	Bài tập 20: Không yêu cầu
27	27	§5. Phép cộng các phân thức đại số	KT+KN: Thực hiện được phép cộng các phân thức. - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng phân thức để tính hợp lí. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Khiêm tốn	
28	28	Luyện tập	KT+KN: Thực hiện được phép cộng các phân thức. Vận dụng các kiến thức về phép cộng phân thức để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.	Thước, bảng phụ, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	

			Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
29	29	§6. Phép trừ các phân thức đại số	KT+KN: Hiểu và áp dụng được quy tắc trừ hai phân thức đại số. Hiểu được mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân thức. Vận dụng được kiến thức phép trừ phân thức đại số để giải quyết một số bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Giản dị	Mục 1. Phân thức đối: Không dạy Mục 2. Phép trừ: Tiếp cận như cộng phân thức đại số.
30	30	Luyện tập	KT+KN: Thực hiện thành thạo phép trừ phân thức đại số. Vận dụng được phép trừ phân thức đại số để giải quyết một số bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
31	31	§7. Phép nhân các phân thức đại số	KT+KN: Hiểu và áp dụng được quy tắc nhân hai phân thức đại số. - Biết các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân phân thức và vận dụng vào bài toán cụ thể. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	
32	32	§8. Phép chia các phân thức đại số	KT+KN: Biết được thế nào là hai phân thức nghịch đảo của nhau, tìm được phân thức nghịch đảo của phân thức cho trước. Hiểu và áp dụng được quy tắc chia các phân thức đại số. Nắm vững thứ tự thực hiện các phép tính khi có một dãy những phép chia và phép nhân. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp	Bảng phụ ghi bài 45 (tr55 - SGK), phấn màu, thước kẻ.	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	

			tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
33	33	§9. Biến đổi các biểu thức hữu tỷ (Mục 1,2)	KT+KN: Nắm chắc khái niệm về biểu thức hữu tỉ. Hiểu rằng biến đổi một biểu thức hữu tỉ và việc thực hiện các phép tính về phân thức đại số từ đó biến đổi được biểu thức hữu tỉ thành một phân thức. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	
34	34	§9. Biến đổi các biểu thức hữu tỷ (Mục 3)	KT+KN: Tìm được điều kiện của biến để giá trị phân thức xác định. - Thiết lập được các bước và giải được một số bài toán liên quan đến giá trị của phân thức. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	phiếu học tập bài 55(tr58-SGK), phấn màu, thước kẻ	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	Bài tập 59: Khuyến khích học sinh tự làm
35	35	Ôn học kì I	KT+KN: HS biết hệ thống các kiến thức cơ bản trong chương: Nhân, chia đơn thức, đa thức, bảy hằng đẳng thức đáng nhớ, phân tích đa thức thành nhân tử. HS biết tổng hợp các KT+KN trên vào rút gọn biểu thức, tính giá trị của biểu thức, tìm x, phân tích đa thức thành nhân tử, chia đa thức cho đa thức và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Nội dung ôn tập, máy chiếu, phiếu học tập	Trách nhiệm	
36	36	Ôn học kì I	KT+KN: HS biết hệ thống các kiến thức liên quan	Nội dung ôn	Trách nhiệm	

			đến cộng, trừ, nhân, chia phân thức, biến đổi biểu thức hữu tỉ. Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia, các TC của phép toán để thực hiện biến đổi hợp lý và giải một số dạng toán liên quan đến giá trị biểu thức, bài toán trong thực tế cuộc sống. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	tập, máy chiếu, phiếu học tập		
37	37	Ôn học kì I	KT+KN: HS biết hệ thống các kiến thức liên quan đến cộng, trừ, nhân, chia phân thức, biến đổi biểu thức hữu tỉ. Vận dụng được các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia, các TC của phép toán để thực hiện biến đổi hợp lý và giải một số dạng toán liên quan đến giá trị biểu thức, bài toán trong thực tế cuộc sống. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
38, 39	38,3 9	Kiểm tra học kì I	KT+KN: HS biết tổng hợp các kĩ năng đã có về phép nhân, chia đa thức, biểu thức hữu tỉ, tứ giác để lập luận, giải quyết các dạng BT có liên quan. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Đề, đáp án, biểu điểm	Trách nhiệm Trung thực	
40	40	Trả bài kiểm tra học kì I	KT+KN: HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó củng cố các kiến thức cơ bản trong học kì 2 cho học sinh. - Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém.	Đáp án kiểm tra, nhận xét bài HS	Trung thực	

			Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
--	--	--	--	--	--	--

PHẦN HÌNH HỌC 8 (32 tiết)

ST T		Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Hướng dẫn thực hiện
		Chương I: Tứ giác				
1	1	§1. Tứ giác	KT+KN: Biết các khái niệm: tứ giác, tứ giác lồi. - Biết định lý về tổng 4 góc của tứ giác. - Vẽ và gọi tên được các yếu tố của tứ giác. - Vận dụng được định lý về tổng bốn góc của tứ giác để giải các bài tập tính số đo góc. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	thước kẻ, bảng phụ vẽ hình 1 (sgk) và hình 5 (sgk)	Trung thực, hợp tác, tự do, đoàn kết	
2	2	§2. Hình thang	KT+KN:- Biết các khái niệm: Hình thang, hình thang vuông. Biết vẽ và gọi tên được các yếu tố của hình thang, hình thang vuông. - Vận dụng được tính chất của hình thang để tìm một số yếu tố chưa biết. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô	ê ke, thước kẻ, bảng phụ hình 15, 20, bài tập củng cố	Trung thực, tự do, trách nhiệm	Bài tập 10: Không yêu cầu

			hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
3	3	§3. Hình thang cân	KT+KN: - Nhận biết và vẽ được hình thang cân. - Vận dụng được tính chất của hình thang cân để giải quyết một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thang cân để chứng minh một tứ giác là hình thang cân. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	com pa, thước kẻ, bảng phụ hình 24, hình 27 SGK và BT củng cố	Hợp tác - Trách nhiệm - Đoàn kết - Hạnh phúc	
4	4	Luyện tập	KT+KN: Nắm vững các khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết của hình thang cân. Vận dụng được một số tính chất về cạnh, góc, đường chéo của hình thang cân để giải quyết một số bài tập chứng minh, tính số đo góc. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước chia khoảng, thước đo góc	- Trung thực - Trách nhiệm	
5	5	§4. Đường trung bình của tam giác	KT+KN: Phát biểu được định nghĩa đường trung bình, các định lý và tính chất đường trung bình của tam giác. - Biết xác định đường trung bình của tam	phấn màu, thước kẻ, phiếu học tập	Trung thực - Hợp tác - Tự do - Đoàn kết	

			giác, biết áp dụng định lí về đường trung bình của tam giác để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. Nhớ được một số ứng dụng về đường trung bình của tam giác. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
6	6	§4. Đường trung bình của hình thang	KT+KN: Phát biểu được định nghĩa đường trung bình, các định lí và tính chất đường trung bình của hình thang - Biết xác định đường trung bình của hình thang, biết áp dụng định lí về đường trung bình của hình thang để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. Nhớ được một số ứng dụng về đường trung bình của hình thang. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, phần màu, thước	Trung thực - Hợp tác - Tự do - Đoàn kết	
7	7	Luyện tập	KT+KN: Biết vận dụng các tính chất về đường trung bình của tam giác, của hình thang để giải bài tập có liên quan: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh trung điểm, chứng minh song song. Vận dụng các kiến	Bảng phụ, phần màu, thước	Trung thực - Trách nhiệm	

			thức vẽ đường trung bình của tam giác, hình thang vào một số bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
8	8	§6. Đối xứng trục	KT+KN: Biết các khái niệm: hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua một đường thẳng, hình có trục đối xứng.. - Bước đầu xác định được trục đối xứng của một hình trong thực tiễn - Biết vẽ hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua trục. - Vận dụng được tính chất của trục đối xứng để giải một số bài tập thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Hình có trục đối xứng, thước đo góc, ê ke, com pa.	Hợp tác - Trách nhiệm - Đoàn kết - Hạnh phúc	Mục 2. Hai hình đối xứng qua một đường thẳng. Mục 3. Hình có trục đối xứng Chỉ yêu cầu học sinh nhận biết được một hình cụ thể có đối xứng qua trục hay không, có trục đối xứng hay không. Không phải giải thích, chứng minh.
9	9	Luyện tập	KT+KN: - Biết xác định trục đối xứng của một hình trong thực tiễn - Biết vẽ hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua trục. - Vận dụng được tính chất của trục đối xứng để giải một số bài tập chứng minh và bài tập thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận	Bảng phụ, phấn màu, thước	Hòa bình - Tôn trọng - Yêu thương - Hạnh phúc - Trung thực	

			toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
10	10	§7. Hình bình hành.	KT+KN: Biết khái niệm hình bình hành. - Biết các tính chất cơ bản của hình bình hành, dấu hiệu nhận biết hình bình hành. Biết vẽ hình bình hành. - Vận dụng được tính chất của hình bình hành để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình bình hành để chứng minh một tứ giác là hình bình hành. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, phấn màu, thước	Hợp tác - Tự do - Đoàn kết - Trung thực	
11	11	Luyện tập	KT+KN: Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình bình hành. - Vận dụng được tính chất của hình bình hành để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình bình hành để chứng minh một tứ giác là hình bình hành. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, phấn màu, thước	Trung thực - Trách nhiệm	
12	12	§8. Đối xứng tâm	KT+KN: Biết khái niệm: Hai điểm, hai hình	Bảng phụ,	Trách nhiệm	

			đối xứng nhau qua một điểm, hình có tâm đối xứng, hình có trục đối xứng, tâm đối xứng của một hình. Biết cách vẽ: Hai điểm, hai hình đối xứng nhau qua tâm. Biết tính chất cơ bản của đối xứng tâm. Bước đầu nhận biết được hình có tâm đối xứng trong thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	phấn màu, thước		
13	13	Luyện tập	KT+KN: Vận dụng được tính chất của đối xứng tâm để giải một số bài tập. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, phấn màu, thước	Đoàn kết - Hợp tác	
14	14	§9. Hình chữ nhật	KT+KN: Biết khái niệm hình chữ nhật. Biết các tính chất cơ bản của hình chữ nhật, dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật. Biết vẽ hình chữ nhật. Vận dụng được tính chất của hình chữ nhật để giải một số bài tập. - Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để chứng minh một hình là hình chữ nhật. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và	thước kẻ, Ê-ke, compa, hình ảnh thực tế hình chữ nhật	Trung thực	Bài tập 62: Khuyến khích học sinh tự làm

			phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
15	15	Luyện tập	KT+KN: Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình chữ nhật. Vận dụng được TC của hình chữ nhật để giải một số bài tập. Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình chữ nhật để chứng minh một hình là hình chữ nhật. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước	Đoàn kết - Hợp tác	Bài tập 66: Khuyến khích học sinh tự làm
16	16	§10. Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước	KT+KN: Xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng song song. Vẽ được một đường thẳng song song cách đường thẳng cho trước một khoảng cố định. Vận dụng được tính chất các điểm cách đều đường thẳng cho trước để giải các bài tập về tập hợp điểm. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước, e ke, com pa, phấn màu.	Tự do	Mục 3. Đường thẳng song song cách đều: Không dạy
17	17	Luyện tập	KT+KN: Nhớ được tính chất của các điểm cách đều một đường thẳng cho trước. Tính chất các đường thẳng song song cách đều. Biết cách xác định khoảng cách giữa hai đường thẳng song song. Biết vận dụng tính chất các điểm cách đều một đường thẳng	Thước, compa	Đoàn kết - Hợp tác	

			cho trước, tính chất của các đường thẳng song song cách đều để giải một số dạng toán liên quan. Nhớ được một số ứng dụng trong thực tế của các đường thẳng song song cách đều. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
18	18,1 9	Ôn tập giữa kì I	KT+KN: HS biết tổng hợp các kỹ năng đã có về tứ giác để lập luận và giải quyết các dạng bài tập có liên quan: Chứng minh: tính chất đối xứng, nhận dạng tứ giác đặc biệt, một tứ giác là các hình đặc biệt, chứng minh vuông góc, song song, đoạn thẳng bằng nhau, tìm tập hợp điểm, khoảng cách giữa hai đường thẳng song song..... Năng lực Năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tính toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
19	20	§11. Hình thoi	KT+KN: Biết khái niệm hình thoi. Biết các tính chất cơ bản của hình thoi, dấu hiệu nhận biết hình thoi. Biết vẽ hình thoi Vận dụng được tính chất của hình thoi để giải một số bài tập. Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thoi để chứng minh một hình là hình thoi. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận	ê ke, thước thẳng, compa	Trách nhiệm	

			toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
20	21	Luyện tập	KT+KN: Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình thoi. Vận dụng được tính chất của hình thoi để giải một số bài tập. Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình thoi để chứng minh một hình là hình thoi. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	ê ke, com pa		
21	22	§12. Hình vuông	KT+KN: Biết khái niệm hình vuông. Biết các tính chất cơ bản của vuông, dấu hiệu nhận biết hình vuông. Biết vẽ hình vuông. Vận dụng được tính chất của hình vuông để giải một số bài tập. Vận dụng được dấu hiệu nhận biết vuông để chứng minh một hình là hình vuông. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	4 bộ tam giác vuông cân bằng bìa + nam châm, ê ke, hình ảnh hình vuông	Trách nhiệm	
22	23	Luyện tập – KT 15 phút	KT+KN: Nắm chắc các khái niệm và tính chất cơ bản của hình vuông. Vận dụng được tính chất của hình vuông để giải một số bài tập. Vận dụng được dấu hiệu nhận biết hình	Com pa, thước, bảng phụ, phấn màu.	Đoàn kết - Hợp tác	

			vuông để chứng minh một hình là vuông. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
23	24, 25	Ôn tập chương I	KT+KN: Học sinh biết về sơ đồ tư duy hệ thống hóa các KT+KN về tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông. Hiểu được mạch kiến thức cơ bản của chương. Vẽ được sơ đồ về mối quan hệ giữa các hình. Vận dụng được tính chất của các hình để giải một số bài tập có liên quan. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Máy tính, thước, com pa, nội dung ôn tập	Đoàn kết - Hợp tác	
	Chương II: Đa giác. Diện tích đa giác					
25	26	§1. Đa giác, đa giác đều	KT+KN: Nhận biết được đa giác lồi, đa giác đều. Vẽ và gọi tên được các yếu tố của đa giác, đa giác đều. Xác định được tâm đối xứng, trục đối xứng của đa giác đều. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ?3 và bài tập 4 (tr115 - SGK), dụng cụ vẽ hình, mô hình đa giác	Hạnh phúc	

26	27	§2. Diện tích hình chữ nhật	KT+KN: - Biết các khái niệm diện tích, đơn vị đo diện tích. - Biết tính chất của diện tích. - Biết cách tính diện tích của một hình theo đơn vị cho trước, diện tích của hình chữ nhật, hình vuông. - Vận dụng được công thức tính diện tích hình chữ nhật và tam giác vuông trong thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	ê ke, com pa, thước đo góc,	Trung thực - Hạnh phúc - Trách nhiệm	Bài tập 14: Khuyến khích học sinh tự làm
27	28	Luyện tập	KT+KN: Vận dụng công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông, tam giác vuông để giải một số bài toán liên quan. Vận dụng được công thức tính diện tích hình chữ nhật và tam giác vuông trong thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	ê ke, com pa, thước đo góc,	Hợp tác - Trung thực	Bài tập 15: Khuyến khích học sinh tự làm
28	29, 30	Ôn tập học kì I	KT+KN: Vận dụng thành thạo các kiến thức về tứ giác, tứ giác đặc biệt (khái niệm, tính chất, dấu hiệu nhận biết) để chứng minh những bài tập liên quan. - Vận dụng được kiến thức về tứ giác đặc biệt để lập luận và giải quyết một số vấn đề	ê ke, com pa, thước đo góc, nội dung ôn tập, phiếu học tập	Đoàn kết - Hợp tác	

			toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
29	31	§3. Diện tích tam giác	KT+KN: Biết cách tính và biết công thức tính diện tích tam giác. Vận dụng công thức tính diện tích tam giác để giải các bài tập cụ thể. - Vận dụng được kiến thức về tam giác để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	êke, compa, thước	Trung thực - Trách nhiệm	
30	32	Luyện tập	KT+KN: Vận dụng công thức tính diện tích tam giác để giải các bài tập cụ thể. Vận dụng kiến thức về tam giác để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ hình 133 bài 19, hình 135 bài 22 (tr122 - SGK), thước thẳng, phấn màu.	Đoàn kết - Hợp tác	
31	33	Trả bài kiểm tra học kì I	KT+KN: HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó củng cố các kiến thức cơ bản trong học kì 2 cho học sinh. - Giúp GV có được thông tin ngược để điều	Đáp án, biểu điểm, nhận xét bài HS	Trung thực	

			chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
--	--	--	---	--	--	--

II. Học kì II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

PHẦN ĐẠI SỐ 8 (30 tiết)

Tiết		Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Hướng dẫn thực hiện
		Chương III: Phương trình bậc nhất một ẩn				
41	41	§1. Mở đầu về phương trình	KT+KN: Nhận biết và đưa ra được một số ví dụ về phương trình một ẩn. Hiểu khái niệm nghiệm của phương trình, hai PT tương đương.. Xác định được một số có là nghiệm của một PT hay không? Giải thích được sự tương đương hay không tương đương của hai phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước thẳng	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	
42	42	§2. Phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải	KT+KN: Nhận biết được phương trình bậc nhất một ẩn. Vận dụng được 2 quy tắc biến đổi tương đương để giải phương trình bậc nhất một ẩn. Vận dụng được phương trình bậc nhất một ẩn để giải quyết một số bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ bài tập 7	Trách nhiệm, hợp tác, đoàn kết	
43	43	§3. Phương trình đưa	KT+KN: Biết cách biến đổi tương đương để	Bảng phụ ?1,	Trách nhiệm, hợp	

		được về dạng $ax + b = 0$	đưa phương trình về dạng $ax + b = 0$ ($a \neq 0$). Giải được phương trình có 2 vế là hai biểu thức hữu tỉ (không chứa ẩn ở mẫu). Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	?2	tác, đoàn kết	
44	44	§3. Phương trình đưa được về dạng $ax + b = 0$ (tiếp)	KT+KN: Giải được các phương trình đưa được về dạng bậc nhất. Vận dụng được kiến thức phương trình bậc nhất một ẩn để giải quyết một số bài toán có nội dung thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ bài tập 13	Trách nhiệm, khoan dung, hợp tác, đoàn kết.	
45	45	§4. Phương trình tích	KT+KN: Nêu được cách tìm nghiệm của phương trình tích. Vận dụng được phương pháp phân tích đa thức thành nhân tử đưa một phương trình về phương trình tích và tìm nghiệm. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ, PHT, thước	Hợp tác, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng, trung thực	
46	46	Luyện tập	KT+KN: Giải được phương trình tích. - Vận dụng được kiến thức về phương trình tích để lập luận, giải quyết một số vấn đề toán học và một số bài toán liên quan. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.	Phiếu học tập, thước, máy chiếu		

			ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
47	47	§5. Phương trình chứa ẩn ở mẫu	KT+KN: Lấy được ví dụ về phương trình chứa ẩn ở mẫu. Thiết lập được phương trình chứa ẩn ở mẫu từ tình huống đơn giản. Tìm được điều kiện xác định của phương trình Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Phiếu học tập, thước	Tôn trọng, khoan dung, khiêm tốn, trung thực	
48	48	§5. Phương trình chứa ẩn ở mẫu (tiếp)	KT+KN: Nêu được cách giải phương trình chứa ẩn ở mẫu. - Giải được một số phương trình ở mẫu đơn giản. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, Thước kẻ		Mục 4. Áp dụng: Tự học có hướng dẫn
49	49	Luyện tập	KT+KN: Giải được một số phương trình ở mẫu đơn giản. Vận dụng kiến thức về PT ở mẫu để lập luận, giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ bài 36 SBT		

50	50	§. Giải bài toán bằng cách lập phương trình	KT+KN: Hiểu được các bước giải bài toán bằng cách lập PT. Biết cách chuyển bài toán có lời văn sang bài toán giải phương trình.. Giải được một số bài toán dạng đơn giản bằng cách lập phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ?1,?2	Hạnh phúc	?3: Tự học có hướng dẫn
51	51		KT+KN:- HS có kĩ năng phân tích bài toán, tóm tắt bài toán, nắm bắt được các đại lượng đã biết và các đại lượng chưa biết, mối quan hệ giữa các đại lượng trong bài toán chuyển động để chuyển sang dạng toán giải phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	thước thẳng, phấn màu, bút dạ	Tự do, trung thực	?1; ?2: Tự học có hướng dẫn
52	52, 53		KT+KN: - Biết cách giải bài toán bằng cách lập phương trình trong dạng toán tìm số, tìm tuổi, tỉ số phần trăm. - Vận dụng kiến thức về giải bài toán bằng cách lập phương trình để lập luận, giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm	bảng phụ, phấn màu, thước, máy chiếu	Khiêm tốn, trách nhiệm	Cả 3 bài §6 §7 và luyện tập: Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “ <i>Giải bài toán bằng cách lập phương trình</i> ” 1. Biểu diễn một đại lượng bởi biểu thức chứa ẩn 2. Giải bài toán bằng cách lập phương trình (<i>Chọn lọc tương đối đầy đủ về các thể loại toán. Chú ý các bài toán thực tế</i>).

			chỉ			
53	54, 55	Ôn tập chương III	KT+KN: - HS biết hệ thống kiến thức cơ bản trong chương bằng sơ đồ tư duy. - Giải được một số dạng bài tập giải phương trình bậc nhất, phương trình tích, phương trình đưa về phương trình bậc nhất một ẩn. - Biết sử dụng chức năng của MTBT để giải phương trình bậc nhất một ẩn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ nội dung ôn tập, phiếu học tập, MTCT, máy chiếu	Tự do	
54	56, 57	Kiểm tra giữa học kì II (đại + hình)	KT+KN: Kiểm tra HS các kiến thức về phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình tích, phương trình chứa ẩn ở mẫu, các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình. Vận dụng thành thạo các kiến thức vào làm các bài tập: Xác định một số là nghiệm của phương trình, giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Đề, đáp án, biểu điểm	Trách nhiệm - Trung thực	
	Chương IV: Bất phương trình bậc nhất một ẩn					
55	58	§1. Liên hệ giữa thứ tự và phép cộng	KT+KN: Nhận biết được bất đẳng thức, về trái, về phải của bất đẳng thức. Biết tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép cộng ở dạng bất đẳng thức, tính chất bắc cầu của thứ tự. Vận dụng được mối liên hệ giữa thứ tự và phép	bảng phụ trục số, phiếu học tập	Trung thực	

			cộng để chứng minh bất đẳng thức. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
56	59	§2. Liên hệ giữa thứ tự và phép nhân	KT+KN: Hiểu tính chất liên hệ giữa thứ tự và phép nhân (với số dương và với số âm) ở dạng bất đẳng thức. Biết sử dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép nhân, tính chất bắc cầu để so sánh hai số hoặc chứng minh bất đẳng thức (qua một số kĩ thuật suy luận). Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ trực số	Trung thực	
57	60	Luyện tập – KT 15 phút	KT+KN: Vận dụng tính chất liên hệ giữa thứ tự với phép cộng, phép nhân để so sánh biểu thức chứa chữ và chứa số. Biết chứng minh bất đẳng thức bằng cách vận dụng phối hợp các tính chất. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	thước, bảng phụ, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	Bài tập 10; 12: Khuyến khích học sinh tự làm
58	61	§3. Bất phương trình một ẩn	KT+KN: Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn. Biết kiểm tra một số có là nghiệm của bất phương trình một ẩn hay không. Biết viết và biểu diễn tập nghiệm của	Bảng phụ, thước có chia khoảng, phấn màu	Trách nhiệm	Bài 21; 27: Khuyến khích học sinh tự làm

			bất phương trình trên trục số. Chuyển được một số tình huống thành bất phương trình một ẩn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
59	62	§4. Bất phương trình bậc nhất một ẩn	KT+KN: Nhận biết được bất phương trình bậc nhất một ẩn. Hiểu và áp dụng được từng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải bất phương trình; trình bày được lời giải bất phương trình bậc nhất một ẩn. Biết sử dụng quy tắc biến đổi bất phương trình để giải thích sự tương đương của bất phương trình. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ?1, trục số	Trung thực	
60	63	§5. Bất phương trình bậc nhất một ẩn (tiếp)	KT+KN: Vận dụng được quy tắc biến đổi bất phương trình để giải được bất phương trình đưa được về dạng bất PT bậc nhất một ẩn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước thẳng phần màu bút dạ	Trung thực	
61	64	§6. Phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối	KT+KN: Biết bỏ dấu giá trị tuyệt đối ở biểu thức dạng ax và $x + b$. - Biết rút gọn biểu thức chứa dấu giá trị	thước, PHT	Đoàn kết - Hợp tác	

			tuyệt đối và giải một số phương trình dạng $ax = cx + d$ và dạng $x + b = cx + d$ (a, b, c, d là hằng số). Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
62	65	Ôn tập chương IV	KT+KN: Biết sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức về bất đẳng thức, bất PT một ẩn, bất phương trình bậc nhất một ẩn, phương trình chữ dấu giá trị tuyệt đối. Vận dụng các kiến thức đã học giải thành thạo bất PT bậc nhất một ẩn và phương trình dạng $ax = cx + d$; dạng $x + b = cx + d$. Vận dụng để giải quyết một số bài toán thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
63	66	Ôn tập cuối học kì II	KT+KN: Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương trình bậc nhất một ẩn để giải được một số dạng bài tập giải phương trình, giải bài toán bằng cách lập phương trình. Vận dụng được kiến thức về phương trình để lập luận và giải quyết một số vấn đề toán học. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.	Thước, bảng phụ nội dung ôn tập, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	

			Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
64	67	Ôn tập cuối học kì II (tiếp)	KT+KN: Vận dụng thành thạo các kiến thức về bất PT bậc nhất một ẩn để giải được một số dạng bài giải bất PT, PT chứa dấu giá trị tuyệt đối, chứng minh bất đẳng thức. Vận dụng được kiến thức về BPT để giải quyết một số bài toán thực tiễn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước, bảng phụ nội dung ôn tập, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
68, 69	68,69	Kiểm tra học kì II (Cả đại và hình)	KT+KN: - HS biết tổng hợp các kĩ năng đã có về phương trình, bất phương trình bậc nhất một ẩn, tam giác đồng dạng để lập luận và giải quyết các dạng bài tập có liên quan. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Đề, đáp án, biểu điểm	Trách nhiệm - Trung thực	
70	70	Trả bài kiểm tra cuối học kì II	KT+KN: HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó học sinh biết điều chỉnh lại quá trình học tập để đạt hiệu quả tốt nhất. - Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử	đáp án biểu điểm, nhận xét bài HS	Trung thực	

			dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
--	--	--	--	--	--	--

PHẦN HÌNH HỌC 8 (38 tiết)

Tuần	Tiết	Chương/Bài học	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH, UDCNTT	Nội dung giáo dục tích hợp	Hướng dẫn thực hiện
33	33	§4. Diện tích hình thang	KT+KN: - Hiểu được cách xây dựng công thức tính diện tích hình thang.. - Vận dụng công thức tính diện tích hình thang để giải quyết các bài tập cụ thể. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	bảng phụ H.138, ê ke, thước kẻ, com pa	Trung thực - Trách nhiệm	
34	34	§5. Diện tích hình thoi	KT+KN: - Hiểu được cách xây dựng công thức tính diện tích hình thoi - Vận dụng công thức tính diện tích hình thoi để giải quyết các bài tập cụ thể. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước, ê ke, compa	Trung thực - Trách nhiệm	
35	35	§6. Diện tích đa giác	KT+KN: - Biết cách tính diện tích đa giác dựa vào	Bảng phụ, thước, ê ke,	Trung thực - Trách nhiệm -	

			cách tính diện tích các đa giác đã biết. - Vận dụng được cách tính diện tích đa giác vào một số bài toán có nội dung thực tế, liên môn. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	compa. Máy chiếu	Tự do	
36	36	Ôn tập chương II	KT+KN: Học sinh biết hệ thống hóa các kiến thức về diện tích: đa giác, hình thang, hình chữ nhật, hình thoi, tam giác. Hiểu được mạch kiến thức cơ bản của chương. Vận dụng được công thức diện tích của các hình để giải một số bài tập có liên quan. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước, ê ke, compa, thước		
Chương III: Tam giác đồng dạng						
37	37	Chủ đề: Tam giác đồng dạng §1. Định lý Ta lét trong tam giác	KT+KN: Phát biểu được định nghĩa tỉ số của hai đoạn thẳng, đoạn thẳng tỉ lệ, định lý Ta-let trong tam giác. - Tính được tỉ số hai đoạn thẳng. Vận dụng được định lý Ta – lét để tính độ dài đoạn thẳng. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.	Thước chia khoảng, ê ke, máy chiếu	Tôn trọng, trách nhiệm, trung thực, giản dị	

			Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
38	38	Chủ đề: Tam giác đồng dạng §2. Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta lét	KT+KN: Phát biểu được định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-let. Áp dụng định lý Ta – let đảo để chỉ ra các cặp đường thẳng song song. Tính được độ dài đoạn thẳng trong tam giác nhờ định lý Ta – let. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thuốc chia khoảng, ê ke,	Đoàn kết, hợp tác, trách nhiệm, tự do	
39	39	Chủ đề: Tam giác đồng dạng Luyện tập	KT+KN: Vận dụng được các định lý và hệ quả của định lý Ta – let vào chứng minh góc bằng nhau, hệ thức giữa các đoạn thẳng, cặp đường thẳng song song. Tính độ dài đoạn thẳng.... Tìm được: Một số ứng dụng của định lý Ta – let trong đời sống. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thuốc chia khoảng, ê ke, bảng phụ ?3, ?4	Trách nhiệm, giản dị	Bài tập 14: Khuyến khích học sinh tự làm
40	40	§3. Tính chất đường phân giác của tam giác	KT+KN: Biết được: Tính chất đường phân giác trong tam giác. Biết cách: Đọc tỉ số khi có đường phân giác trong và đường phân giác ngoài. Biết vận dụng tính chất đường phân giác vào việc tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh đường thẳng song song.. Tìm hiểu được: Một	máy tính. thước thẳng và compa, bảng phụ ?1, ?2	Hợp tác, trách nhiệm	

			vài ứng dụng của đường phân giác trong cuộc sống. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
41	41	Luyện tập	KT+KN: Vận dụng tính chất đường phân giác trong tam giác vào chứng minh góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng, tính diện tích các hình. Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số tình huống thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ, thước thẳng có chia khoảng, com pa	Trách nhiệm, trung thực, Yêu thương	Bài tập 21: Khuyến khích học sinh tự làm
42	42	§4. Khái niệm hai tam giác đồng dạng	KT+KN: Biết được: Định nghĩa hai tam giác đồng dạng, tính chất, kí hiệu đồng dạng, tỉ số đồng dạng. Hiểu được: Các bước chứng minh định lý, vận dụng định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng. Biết cách: Dựng một tam giác đồng dạng với một tam giác cho trước theo tỉ số đồng dạng. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện	Bảng phụ tranh vẽ hình đồng dạng (hình 28), hình 29, dụng cụ vẽ hình. Máy chiếu	Trách nhiệm, Đoàn kết	

			toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
43	43	Luyện tập	KT+KN: Nhận biết được 2 tam giác có đồng dạng hay không từ những dữ kiện đã cho của 2 tam giác. Vận dụng tính chất của 2 tam giác đồng dạng để tính số đo góc, tính độ dài đoạn thẳng, tính tỉ số đồng dạng. - Biết chứng minh 2 tam giác đồng dạng. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Thước thẳng com pa, phấn màu	Tôn trọng, trách nhiệm, trung thực, giản dị, hợp tác.	
44	44	§5. Trường hợp đồng dạng thứ nhất	KT+KN: Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác. Nhận biết được hai tam giác đồng dạng theo trường hợp cạnh – cạnh – cạnh. Vận dụng được định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng, tính số đo góc, độ dài cạnh, chứng minh góc bằng nhau, đẳng thức..... Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ?1, hình vẽ 32;34;35 sgk. Thước thẳng com pa, phấn màu	Tôn trọng, trách nhiệm, trung thực	
45	45	§6. Trường hợp đồng dạng thứ hai	KT+KN: Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác. Nhận biết được hai tam	Bảng phụ ?1, hình vẽ 36; 38; 39	Tôn trọng, trách nhiệm, trung thực, giản dị	Bài tập 34: Khuyến khích học sinh tự làm

			giác đồng dạng theo trường hợp cạnh – góc – cạnh. Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ hai để giải một số bài toán cơ bản. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	sgk. Thước thẳng com pa, phấn màu		
46	46	§7. Trường hợp đồng dạng thứ ba	KT+KN: Phát biểu và chứng minh được định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác. Nhận biết được hai tam giác đồng dạng theo trường hợp góc – cạnh – góc. Vận dụng được trường hợp đồng dạng thứ ba để giải một số bài toán cơ bản. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ hình 40, 41, 42, 43. phiếu học tập. Chuẩn bị sẵn hai tam giác đồng dạng bằng bìa cứng có hai màu khác nhau. Thước thẳng, compa, thước đo góc, phấn màu.	Tôn trọng, trách nhiệm, trung thực, giản dị	
47	47	Luyện tập	KT+KN: Nhận diện, chứng minh được cặp tam giác đồng dạng bằng các dấu hiệu. Vận dụng được tỉ số các cạnh của hai tam giác đồng dạng để chứng minh các hệ thức, tính độ dài các đoạn thẳng trong tam giác. - Biết vận dụng kiến thức về tam giác	bảng phụ, thước thẳng compa, phấn màu	Trách nhiệm, trung thực, giản dị, hợp tác, yêu thương, khoan dung	

			đồng dạng để giải quyết các bài toán thực tế. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
48	48	§8. Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông	KT+KN: - Nêu được dấu hiệu đồng dạng của tam giác vuông. - Chứng minh được định lý về dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng. - Vận dụng được các định lý để tính tỉ số các đường cao, tỉ số diện tích của hai tam giác đồng dạng. - Vận dụng được kiến thức về tam giác đồng dạng để giải toán. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ hình 47, 49;50)sgk). thước thẳng, phấn màu	Trách nhiệm	
49	49	Luyện tập – KT 15 phút	KT+KN: Vận dụng được các định lý đã học vào chứng minh các hệ thức về độ dài đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng. Vận dụng được các kiến thức về tam giác vuông đồng dạng trong đời sống hàng ngày. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và	Bảng phụ hình 49 sgk). thước thẳng, phấn màu. Máy chiếu	Trách nhiệm	

			lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
50	50	§9. Ứng dụng thực tế của hai tam giác đồng dạng	KT+KN: Biết được: Cách đo khoảng cách giữa hai điểm mà cách đo trực tiếp khó thực hiện. - Biết cách: Sử dụng thước ngắm để xác định điểm nằm trên đường thẳng, giác kế để đo góc trên mặt đất, thước đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Máy chiếu, phiếu học tập	Trách nhiệm Trung thực	
51, 52	51, 52	Thực hành	KT+KN: - Sử dụng được các dụng cụ đo đạc cơ bản (thước ngắm, giác kế, thước dây); Vận dụng được kiến thức về tam giác đồng dạng để xác định chiều cao, khoảng cách khó đo trực tiếp được. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Giác kế, thước ngắm, hình 54, 55	Trách nhiệm - Trung thực Tôn trọng - Hợp tác	
53	53	Ôn tập chương III	KT+KN: HS biết sử dụng sơ đồ tư duy để hệ thống kiến thức trọng tâm của chương.	bảng phụ, hệ thống kiến thức.	Trách nhiệm, Trung thực, tôn trọng, hợp tác	Bài tập 61: Khuyến khích học sinh tự làm

			- Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng... Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Máy chiếu		
54	54	Ôn tập giữa học kì II	KT+KN: HS biết tổng hợp các kĩ năng đã có về tam giác đồng dạng để lập luận và giải quyết các dạng bài tập có liên quan: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng... Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Đề, đáp án, biểu điểm	Trách nhiệm - trung thực	
	Chương IV: Hình lăng trụ đứng. Hình chóp đều					
55	55	STEM: Dự án thiết kế ngôi nhà mơ ước §1. Hình hộp chữ nhật	KT+KN: Mô tả được một số yếu tố cơ bản về các mặt của hình hộp chữ nhật. Hiểu được hình lập phương là hình hộp chữ nhật có 6 mặt là hình vuông. Nhận dạng được một số hình trong thực tế có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học	Mô hình hình hộp CN, hình lập phương, một số vật dụng hàng ngày có dạng hình hộp chữ	Hòa bình	Khái niệm “Hình hộp chữ nhật” đã được nêu ở bài 4: Bản vẽ khối đa diện nên chỉ cần nhắc lại.

			Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	nhật. Máy chiếu		
56	56	STEM: Dự án thiết kế ngôi nhà mơ ước §2. Hình hộp chữ nhật	KT+KN: Biết thể nào là 2 đường thẳng song song trong không gian, đường thẳng cắt nhau, đường thẳng song song với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song. Nhận dạng trong thực tế mô hình 2 đường thẳng song song, 2 đường thẳng cắt nhau, đường thẳng // với mặt phẳng, hai mặt phẳng song song trong không gian. Xác định môn thể thao yêu thích và mô tả được cấu trúc sân thể thao mà em yêu thích. Áp dụng kiến thức hình học vào thực tiễn cuộc sống, ghi chép xác định hiện tượng trong quá trình làm thí nghiệm nghiên cứu; Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Mô hình hình hộp CN, hình hộp lập phương, một số vật dụng hàng ngày có dạng hình hộp chữ nhật. Máy chiếu	Hòa bình	Mục 2. Đường thẳng song song với mặt phẳng. Hai mặt phẳng song song: Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng song song với mặt phẳng và hai mặt phẳng song song với nhau. Bài tập 8: Khuyến khích học sinh tự làm
57	57	STEM: Dự án thiết kế ngôi nhà mơ ước §3. Thể tích hình hộp chữ nhật	KT+KN: Nhận biết được các dấu hiệu đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc trong không gian. Tính được thể tích các hình trong không gian có dạng hình hộp chữ nhật. Vận dụng được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật trong các BT thực tế cuộc sống. Vẽ được bản thiết kế sân thể thao yêu thích. Áp dụng kiến thức hình học vào thực tiễn cuộc sống, ghi chép xác định hiện tượng trong quá trình làm nghiên cứu;	Mô hình hình hộp CN, hình lập phương, một số vật dụng hàng ngày có dạng hình hộp chữ nhật. Bảng phụ (tranh vẽ hình hộp). Máy	Trách nhiệm	Mục 1. Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Hai mặt phẳng vuông góc: Không yêu cầu học sinh giải thích vì sao đường thẳng vuông góc với mặt phẳng, hai mặt phẳng vuông góc với nhau Bài tập 12: Khuyến khích học sinh tự làm

			Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	chiều		
58	58	STEM: Dự án thiết kế ngôi nhà mơ ước Luyện tập	KT+KN: Tính được thể tích các hình trong không gian có dạng hình hộp chữ nhật. Vận dụng được công thức tính thể tích hình hộp chữ nhật trong các bài toán thực tế cuộc sống. Chế tạo được sản phẩm thể thao yêu thích theo bản thiết kế; Trình bày, bảo vệ được ý kiến của mình và phản biện ý kiến của người khác; Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ về sản phẩm 89; 91. Máy chiếu	Trách nhiệm	
59	59	§. Hình lăng trụ đứng	KT+KN: Xác định được các yếu tố của hình lăng trụ đứng (đỉnh, cạnh, mặt đáy, cạnh bên, chiều cao). Gọi đúng tên hình lăng trụ đứng, vẽ được hình lăng trụ đứng có đáy là tam giác hoặc tứ giác. Nhận biết được một số hình trong thực tế có dạng hình lăng trụ đứng. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học.	Mô hình hình lăng trụ đứng. Bảng phụ (tranh vẽ hình lăng trụ đứng bài tập 19, 20 sgk). Máy chiếu	Trách nhiệm. Khoan dung	Cả 4 bài §4; §5; §6 và luyện tập Ghép và cấu trúc thành 01 bài: “<i>Hình lăng trụ đứng</i>” - Hình lăng trụ đứng - Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng - Thể tích của hình lăng trụ đứng (<i>Thừa nhận, không chứng minh các công thức tính thể tích của các hình lăng trụ đứng và hình chóp đều</i>). Khái niệm “Hình lăng trụ đứng” đã được nêu ở bài 4:
60	60		KT+KN: Viết được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng. - Vận dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng.	Mô hình hình lăng trụ đứng. Bìa cắt khai triển hình 100. Máy chiếu	Trách nhiệm	

			- Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến hình lăng trụ đứng trong đời sống hàng ngày. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	chiều		Bản vẽ khối đa diện nên chỉ cần nhắc lại.
61	61		KT+KN: Viết được công thức tính thể tích của hình lăng trụ đứng. Vận dụng được công thức để tính thể tích của hình lăng trụ đứng. Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến hình lăng trụ đứng trong đời sống hàng ngày. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Mô hình hình lăng trụ đứng. Hình hộp chữ nhật. Thước kẻ, bảng phụ hình 107 và bài tập 27 sgk. Máy chiếu	Trách nhiệm	
62	62		KT+KN: Vận dụng được các công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình lăng trụ đứng. Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến hình lăng trụ đứng trong đời sống hàng ngày. Năng lực: Tự học, tính toán, tư duy và lập luận toán học giải quyết vấn đề toán học, sử dụng công cụ toán học. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ vẽ hình sẫm bảng BT 31. Thước kẻ. Máy chiếu	Khoan dung	
63	63	§7. Hình chóp đều và hình chóp cụt đều	KT+KN: - Nhận biết được các yếu tố của hình chóp đều, hình chóp cụt đều (đỉnh, cạnh bên, mặt bên, mặt đáy, chiều cao). - Gọi đúng tên hình chóp đều, biết vẽ	Bảng phụ H116, H117. Thước kẻ. Mô hình hình	Tự do	Khái niệm “Hình chóp đều” đã được nêu ở bài 4: Bản vẽ khối đa diện nên chỉ cần nhắc lại.

			hình chóp đều có đáy là tam giác, tứ giác. - Nhận dụng một số hình trong thực tế có dạng hình chóp đều, hình chóp cụt đều. - Tạo ra được một số vật có dạng hình chóp đều. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	chóp đều và hình chóp cụt đều. Máy chiếu		
64	64	§8. Diện tích xung quanh của hình chóp đều	KT+KN: - Viết được công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều. - Vận dụng được công thức để tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình chóp đều. - Tạo ra được một số vật có dạng hình chóp đều. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ ? Thước kẻ. Mô hình hình chóp đều và hình khai triển. Máy chiếu	Tự do	Mục 2. Ví dụ: Khuyến khích học sinh tự đọc Bài tập 42: Khuyến khích học sinh tự làm
65	65	§9. Thể tích của hình chóp đều	KT+KN: Viết được công thức tính thể tích của hình chóp đều. Vận dụng được công thức tính thể tích hình chóp đều để giải quyết một số bài toán thực tế. Mô hình hóa được một số bài toán liên quan đến thể tích hình chóp đều trong đời sống hàng ngày.	Bảng phụ. Thước kẻ. Mô hình hình chóp đều và hình lăng trụ đứng có	Tự do	Bài tập 45; 46: Khuyến khích học sinh tự làm

			Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước	cùng đây là đa giác đều. Máy chiếu		
66	66	Luyện tập	KT+KN: Tính được thể tích hình chóp đều. Vận dụng được công thức tính thể tích hình chóp đều để giải quyết một số bài toán thực tế. Mô hình hóa được một số BT liên quan đến thể tích hình chóp đều trong đời sống hàng ngày. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ. Thước kẻ.	Khoan dung	Bài tập 48; 50: Khuyến khích học sinh tự làm
67	67	Ôn tập chương IV	KT+KN: Hiểu được khái niệm các hình đã học trong chương hình lăng trụ đứng, hình chóp đều. Biết cách tính diện tích và thể tích của một số hình đã học và một số dạng toán cơ bản trong chương này. Biết cách tính diện tích xung quanh và thể tích của một số hình có dạng hình chóp và hình lăng trụ được học trong chương. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Nội dung ôn tập chương. Thước kẻ, phấn màu. Máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	Bài tập 55; 57; 58: Khuyến khích học sinh tự làm

68, 69	68, 69	Ôn tập học kì II	KT+KN: Diễn đạt được bằng lời và ghi lại được bằng kí hiệu, hình vẽ, sơ đồ tư duy hệ thống các kiến thức về tứ giác, diện tích đa giác, tam giác đồng dạng. Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh các góc bằng nhau, các hệ thức về độ dài, đoạn thẳng bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích các hình, tam giác đồng dạng... - Vận dụng được các định lý đã học để giải quyết một số bài toán: Chứng minh tam giác đồng dạng, các đẳng thức liên quan đến độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác... Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán. Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ	Bảng phụ nội dung ôn tập. Thước kẻ, máy chiếu	Đoàn kết - Hợp tác	
70	70	Trả bài kiểm tra học kì II	Kiến thức: HS nắm được đáp án, biểu điểm và những sai sót của mình khi làm bài kiểm tra học kì. Qua đó học sinh biết điều chỉnh lại quá trình học tập để đạt hiệu quả tốt nhất. Giúp GV có được thông tin ngược để điều chỉnh trong quá trình giảng dạy, có biện pháp bồi dưỡng HS khá giỏi, phụ đạo HS yếu kém. Năng lực: Tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, tính toán, tư duy và lập luận toán học, giải quyết các vấn đề toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán.	Đáp án, biểu điểm, nội dung nhận xét	Trung thực	

			Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ			
--	--	--	---	--	--	--

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Đông triều, ngày 25 tháng 09 năm 2020
NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Lê Thị Kim Oanh

Hoàng Thị Nghệ